

PHỤ LỤC
DANH SÁCH 79 LÔ ĐẤT ĐÁU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 14/02/2025
của UBND huyện Tư Nghĩa

TT	Ký hiệu lô	TBD	Số thửa	Diện tích (m ²)	Ghi chú
I	Khu LK-6				
1	LK-6:01	17	634	160,4	
2	LK-6:02	17	638	110,3	
3	LK-6:03	17	639	110,3	
4	LK-6:04	17	640	110,3	
5	LK-6:05	17	644	110,3	
6	LK-6:06	17	645	110,3	
7	LK-6:07	17	654	110,3	
8	LK-6:08	17	655	110,3	
9	LK-6:09	17	656	110,3	
10	LK-6:10	17	666	110,3	
11	LK-6:11	17	667	110,3	
12	LK-6:12	17	668	110,3	
13	LK-6:13	22	1189	110,3	
14	LK-6:14	22	1190	110,3	
15	LK-6:15	22	1191	110,3	
16	LK-6:16	22	1192	110,3	
17	LK-6:17	22	1193	160,9	
II	Khu LK-7				
1	LK-7:01	17	636	164,8	
2	LK-7:02	17	637	141,0	
3	LK-7:03	17	641	141,0	
4	LK-7:04	17	642	141,0	

TT	Ký hiệu lô	TBĐ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Ghi chú
5	LK-7:05	17	643	141,0	
6	LK-7:06	17	646	141,0	
7	LK-7:07	17	653	141,0	
III	Khu LK-10				
1	LK-10:01	17	669	219,4	
2	LK-10:02	17	665	125,0	
3	LK-10:03	17	664	125,0	
4	LK-10:04	17	663	125,0	
5	LK-10:05	17	658	125,0	
6	LK-10:06	17	657	125,0	
7	LK-10:07	17	652	125,0	
8	LK-10:08	17	651	125,0	
9	LK-10:09	17	648	125,0	
10	LK-10:10	17	647	220,9	
IV	Khu LK-11				
1	LK-11:01	22	1195	155,4	
2	LK-11:02	22	1196	110,3	
3	LK-11:03	22	1197	110,3	
4	LK-11:04	22	1198	110,3	
5	LK-11:05	22	1199	110,3	
6	LK-11:06	22	1200	110,3	
7	LK-11:07	22	1204	110,3	
8	LK-11:08	22	1205	110,3	
9	LK-11:09	22	1206	110,3	
10	LK-11:10	22	1210	110,3	
11	LK-11:11	22	1211	110,3	

TT	Ký hiệu lô	TBĐ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Ghi chú
12	LK-11:12	22	1212	110,3	
13	LK-11:13	22	1214	110,0	
14	LK-11:14	22	1215	110,0	
15	LK-11:15	22	1216	110,0	
16	LK-11:16	22	1222	110,0	
17	LK-11:17	22	1223	110,0	
18	LK-11:18	22	1228	110,0	
19	LK-11:19	22	1229	110,0	
20	LK-11:20	22	1230	110,0	
21	LK-11:21	22	1231	110,0	
22	LK-11:22	22	1232	110,0	
23	LK-11:23	22	1233	110,0	
24	LK-11:24	22	1234	155,1	
V	Khu LK13				
1	LK-13:01	22	1227	178,2	
2	LK-13:02	22	1226	103,4	
3	LK-13:03	22	1225	103,4	
4	LK-13:04	22	1224	103,4	
5	LK-13:05	22	1221	103,4	
6	LK-13:06	22	1220	103,4	
7	LK-13:07	22	1219	103,4	
8	LK-13:08	22	1218	103,4	
9	LK-13:09	22	1213	174,0	
VI	Khu LK-14				
1	LK-14:01	22	1209	188,9	
2	LK-14:02	22	1208	120,0	

TT	Ký hiệu lô	TBĐ	Số thửa	Diện tích (m²)	Ghi chú
3	LK-14:03	22	1207	120,0	
4	LK-14:04	22	1203	120,0	
5	LK-14:05	22	1202	120,0	
6	LK-14:06	22	1201	120,0	
VII	Khu LK-17				
1	LK-17:01	17	662	184,0	
2	LK-17:02	17	661	120,0	
3	LK-17:03	17	660	120,0	
4	LK-17:04	17	659	120,0	
5	LK-17:05	17	650	120,0	
6	LK-17:06	17	649	120,0	
79	TỔNG CỘNG			9.809,6	